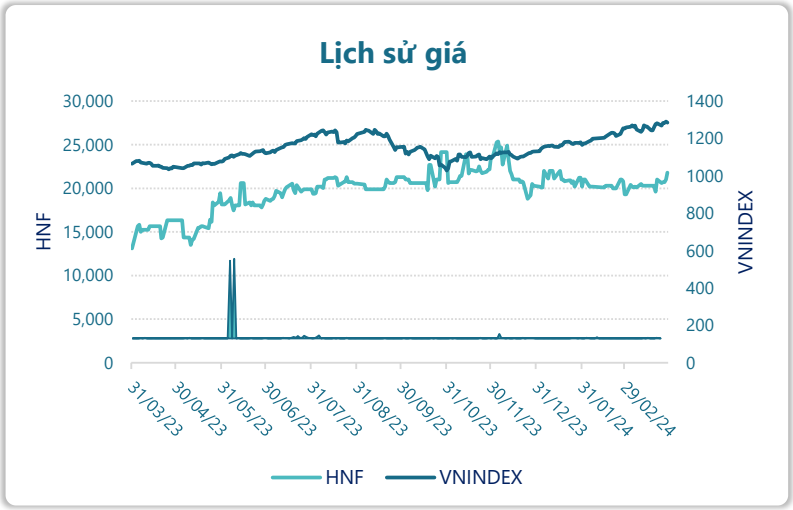
FireAnt

CTCP Thực phẩm Hữu Nghị (UPCOM: HNF)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**21,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,364
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,106
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,125
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	654
P/E	7.4
EPS	2,932

DT thuần

Q1/24

452

tỷ VNĐ

QoQ: ▼78.0| -14.8%

YoY: ▲ 96.0| 26.9%

LN sau thuế

Q1/24

20.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼23.5| -53.7%

YoY: ▲ 16.9| 514%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

8.3%

+/- YoY: ▼ 2.2%

DT thuần

2023

1,756

tỷ VNĐ

YoY: ▼207| -10.5%

LN sau thuế

2023

71.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼49.0| -40.9%

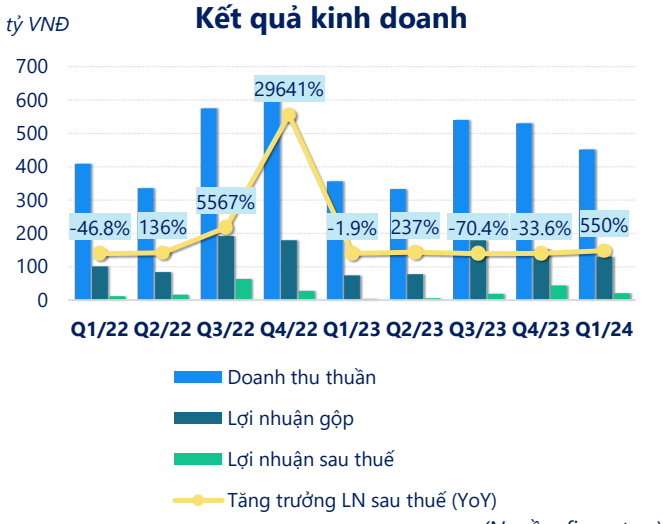
ROE

2023

11.4%

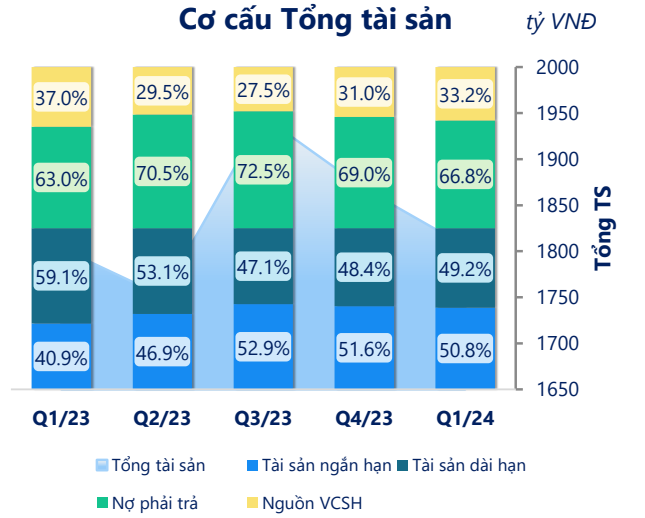
+/- YoY: ▼ 8.6%

Kết quả kinh doanh



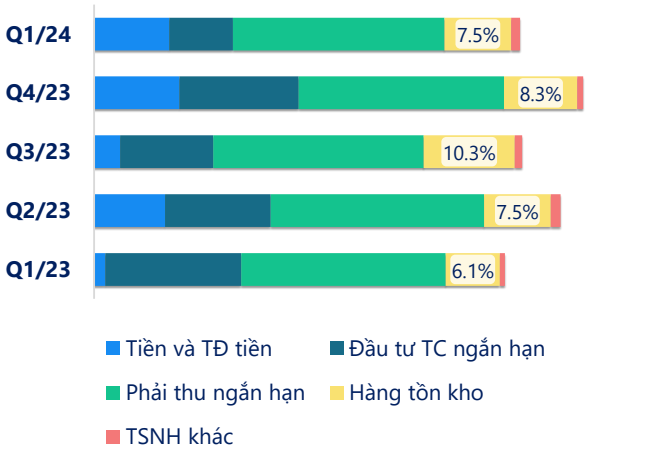
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



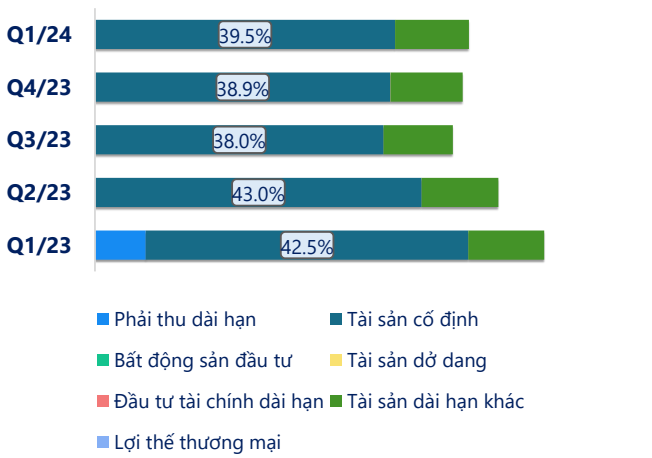
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



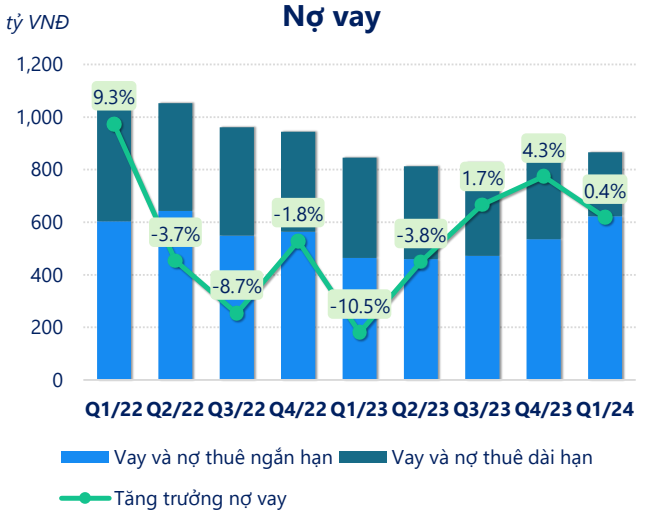
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



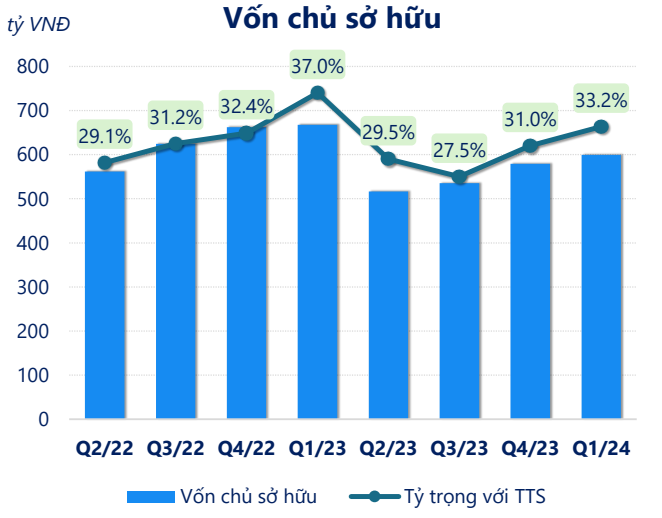
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



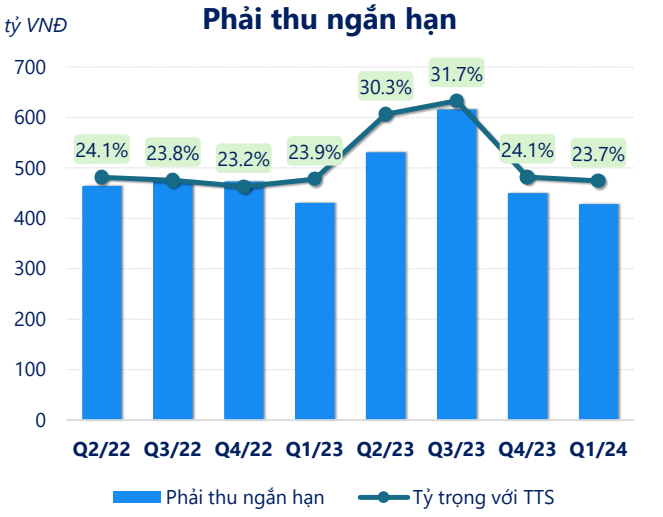
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



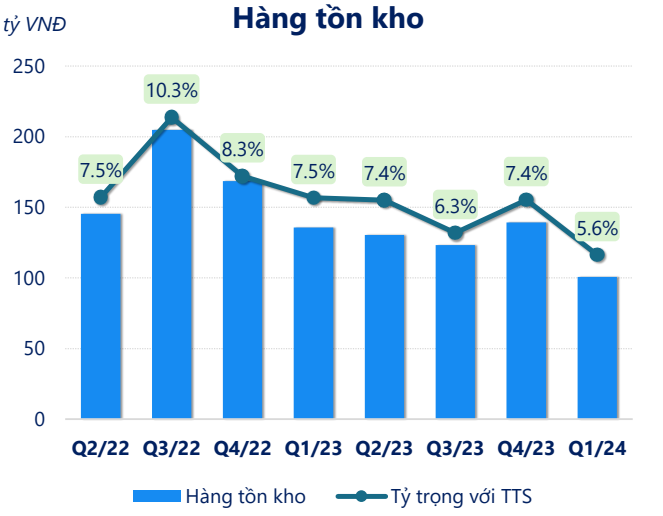
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



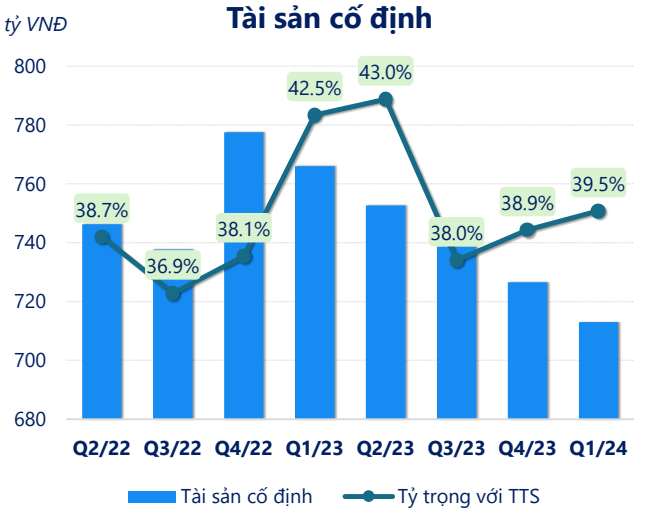
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



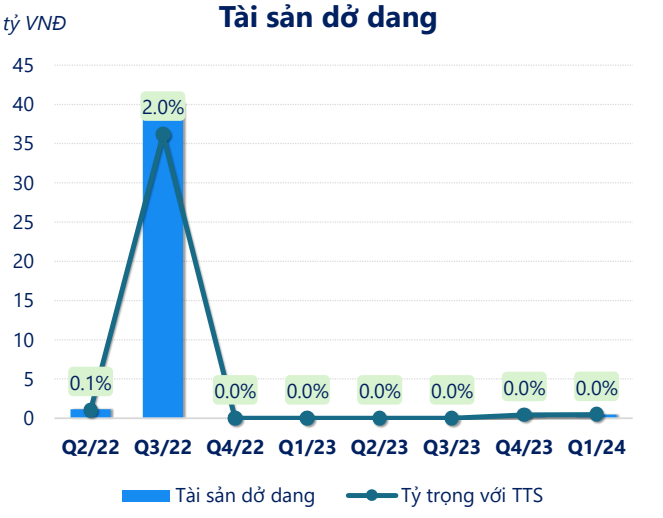
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



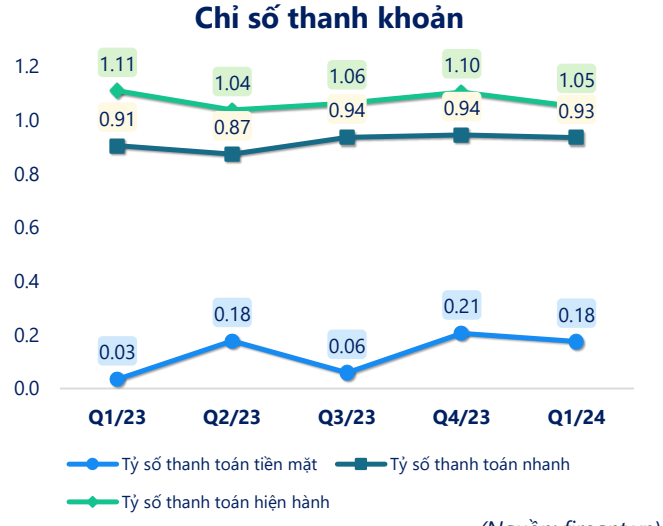
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



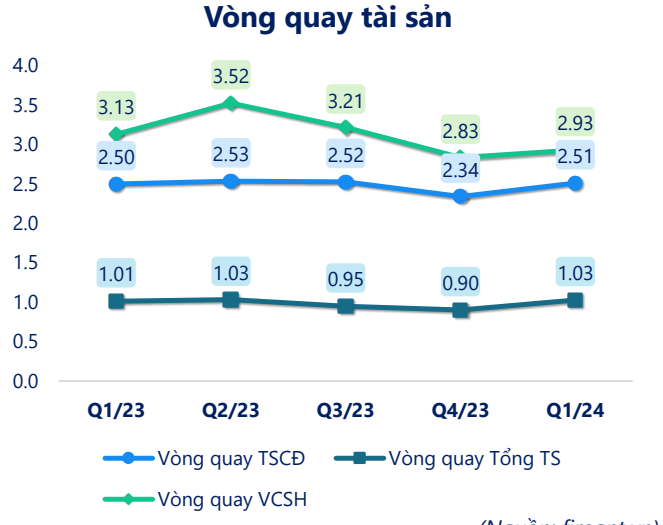
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,803**	**1,751**	**1,946**	**1,868**	**1,806**
Tài sản ngắn hạn	**737**	**821**	**1,029**	**964**	**916**
Tiền và tương đương tiền	22.8	140	57.0	179	153
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130	0	210	170	210
Phải thu ngắn hạn	431	531	616	450	428
Hàng tồn kho	136	130	123	139	101
Tài sản ngắn hạn khác	18.1	19.3	23.1	25.5	24.7
Tài sản dài hạn	**1,066**	**930**	**917**	**904**	**889**
Phải thu dài hạn	121	0.63	0.63	0.14	0.14
Tài sản cố định	766	753	739	727	713
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.45	0.45
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	179	177	177	177	176
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,136**	**1,235**	**1,411**	**1,289**	**1,206**
Nợ ngắn hạn	**664**	**791**	**968**	**873**	**873**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	464	459	472	535	622
Phải trả người bán ngắn hạn	113	106	147	174	107
Nợ dài hạn	471	444	442	416	333
Vay và nợ thuê dài hạn	381	354	354	327	244
Nguồn vốn chủ sở hữu	**667**	**517**	**535**	**579**	**599**
Vốn chủ sở hữu	**667**	**517**	**535**	**579**	**599**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	300
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)